

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIC GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109998957

**3. Ngày thành lập:** 18/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô B4/D21 khu ĐTM Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.818.5666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>+ Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)<br>+ Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                       | 4610     |
| 2.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                        | 8230     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                   | 8299     |
| 4.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                      | 8511     |
| 5.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                     | 8512     |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                        | 8531     |
| 7.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                     | 8532     |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                      | 8533     |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.                                                             | 8559     |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết +Tư vấn giáo dục, tư vấn du học +Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, +Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, +Dịch vụ kiểm tra giáo dục, +Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. | 8560     |
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                             | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản                                                                                                                | 6810(Chính) |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>Dịch vụ quản lý bất động sản;<br>Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>Sàn giao dịch bất động sản.<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 6820        |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                    | 7020        |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động dịch thuật, phiên dịch                                                                                                                       | 7490        |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                   | 5510        |
| 17. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                          | 5590        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                    | 5621        |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                        | 5629        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                     | 5630        |
| 22. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                               | 7810        |
| 23. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                  | 7820        |
| 24. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                   | 7830        |
| 25. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                              | 7911        |
| 26. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Kinh doanh dịch vụ du lịch (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;                                                                 | 7912        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 680.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHÍ THỊ LÝ      | Số A10, CT3,<br>KĐT Dream<br>town, Phường<br>Tây Mỗ, Quận<br>Nam Từ Liêm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 68.000        | 680.000.000              | 10,000       | 0341870089<br>76                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Tổng số                            | 68.000        | 680.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>HUÊ | Số 9/3 Phan Đình<br>Giót, TDP 1,<br>Phường La Khê,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 61.200        | 612.000.000              | 9,000        | 0011830578<br>61                                                                                                       |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            | Tổng số                            | 61.200        | 612.000.000              | 9,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                 |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                                            |                                                                                                  |                           |         |               |        |                  |
|---|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HẰNG TỨC<br>NGUYỄN THỊ THU HẰNG | LĐ 1-3 D/A N/O số 173 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 102.000 | 1.020.000.000 | 15,000 | 0341780077<br>59 |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Tổng số                   | 102.000 | 1.020.000.000 | 15,000 |                  |
| 4 | TRẦN THANH LƯƠNG                           | LĐ 1-3 D/A N/O số 173 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 380.800 | 3.808.000.000 | 56,000 | 0340760096<br>58 |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Tổng số                   | 380.800 | 3.808.000.000 | 56,000 |                  |
| 5 | TRẦN THỊ THU MIÊN                          | Số 12A, CT2A, KĐT Tân Tây Đô, Xã An Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 68.000  | 680.000.000   | 10,000 | 151883819        |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                                            |                                                                                                  | Tổng số                   | 68.000  | 680.000.000   | 10,000 |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ HUÊ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 13/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001183057861

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số 9/3 Phan Đình Giót, TDP 1, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 9/3 Phan Đình Giót, TDP 1, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội